TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2018.
"V/v ly hôn giữa anh Q và chị H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh.
2. Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân Q - Sinh năm: 1986.

Nơi ĐKHKTT (Nơi cư trú): Thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Ngư Thị Kim H - Sinh năm: 1987.

Nơi ĐKHKTT (Nơi cư trú): Số 7/1, khu phố 13, thị trấn P, huyện N, tỉnh NT. (Vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-4-2018 và trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 09-01-2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn anh và chị H ở và làm ăn, sinh sống tại quê của chị H (thị trấn P, huyện N, tỉnh NT), vợ chồng chung sống hòa thuận Hnh phúc với nhau được đến hết năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tết nguyên đán năm 2011 vợ chồng về quê của anh để ăn tết thì anh và chị H đã xảy ra bất đồng quan điểm với nhau về nơi ở của vợ chồng, anh thì muốn vợ chồng ở và làm ăn, sinh sống tại quê của anh, còn chị H thì muốn vợ chồng ở và làm ăn, sinh sống tại quê của chị H, từ đó dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra xô sát cãi, chửi nhau. Do chán nản chuyện gia đình nên anh

đã bỏ đi làm ăn ở xa, sau khi anh bỏ đi làm ăn thì chị H cũng đưa con đi vào trong quê của chị H. Anh đi làm ăn đến tháng 5 năm 2014 mới về và vào đưa chị H cùng con lên thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng để ở và làm ăn, sinh sống nhưng sau khi đoàn tụ thì vợ chồng vẫn bất đồng quan điểm về nơi ở nên tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn vì vậy tháng 8 năm 2014 anh lại bỏ về quê của anh để ở, còn chị H và con cũng đi về quê của chị H để ở. Giữa anh và chị H đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau từ đó cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau đến nay hai bên không còn có trách nhiệm, nghĩa vụ vợ chồng gì với nhau. Anh Q xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh và chị H không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì với nhau nên anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến Quang; sinh ngày 22-5-2008, cháu Quang trực tiếp ở với chị H từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Quang và yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi cháu Quang, với số tiền là 1.000.000đ/tháng, anh đồng ý.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Anh xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai và đơn đề nghị ngày 09-4-2018, bị đơn chị Ngư Thị Kim H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q gặp và quen biết nhau tại huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Qua sự tìm hiểu chị và anh Q đã tự nguyện kết hôn với nhau vào 09-01-2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn chị và anh Q ở và làm ăn, sinh sống tại quê của chị, vợ chồng chung sống hòa thuận Hnh phúc với nhau được đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do dịp tết nguyên đán năm 2011 vợ, chồng về quê của anh Q để ăn tết thì xảy ra bất đồng quan điểm với nhau về nơi ở, chị thì muốn vợ chồng vào trong quê của chị để ở, nhưng anh Q thì lại muốn vợ chồng ở tại quê của anh Q nên vợ chồng thường hay xảy ra xô sát, cãi, chửi nhau do đó anh Q đã bỏ đi làm ăn xa mãi đến tháng 5 năm 2014 anh Q mới về và vào đưa gia đình lên thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng để ở và làm ăn, sinh sống nhưng khi đoàn tụ thì vợ chồng vẫn bất đồng quan điểm với nhau về nơi ở, vì vậy tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Tháng 8 năm 2014 anh Q lại bỏ chị và con đi về quê. Sau khi anh Q bỏ về chị và con cũng đưa nhau về quê của chị để ở và làm ăn, sinh sống. Giữa chị và anh Q đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau từ đó cho đến nay. Từ khi chị và anh Q sống ly thân với nhau cho đến nay thì việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai, hai bên không có trách nhiệm, nghĩa vụ vợ chồng gì với nhau nữa. Nay anh Q xin ly hôn với chị, chị xác định mâu thuẫn của vợ chồng chị đã kéo dài và trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị và anh Q không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên chị nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến Quang; sinh ngày 22-5-2008. Cháu Quang trực tiếp ở với chị từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn chị xin được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quang và yêu cầu anh Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Quang đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Anh Q xin ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân huyện V chị nhất trí và không có ý kiến gì. Chị đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện cho chị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án vì lý do chị đang phải nuôi con nhỏ và đường xá xa xôi nên chị không thể về Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án được do đó chị đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của chị.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân Q.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân Q và chị Ngư Thị Kim H.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến Quang; sinh ngày 22-5-2008 cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và buộc anh Q phải đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu Quang cùng với chị H số tiền là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Quang thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

+ Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Anh Q và chị H đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí ly hôn: Buộc anh Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy chị Ngư Thị Kim H là bị đơn trong vụ án hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thị trấn P, huyện N, tỉnh NT nhưng trước khi thụ lý vụ án chị H đã có đơn lựa chọn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết vụ án dân sự anh Q xin ly hôn chị tại Tòa án nhân dân huyện V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự anh Q xin ly hôn với chị H là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng và đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị H là bị đơn trong vụ án vắng mặt, nhưng chị H đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của chị. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của chị H.

[4]. Về quan hệ hôn nhân của anh Q và chị H: Xét thấy anh Q và chị H kết hôn với nhau vào ngày 09-01-2008, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Như vậy hôn nhân của anh Q và chị H đã thỏa mãn về điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

[5]. Về tình trạng hôn nhân của anh Q và chị H: Xét thấy sau khi kết hôn anh Q và chị H sinh sống tại quê của chị H và đã có khoảng thời gian chung sống hòa thuận, Hnh phúc với nhau được đến đầu năm 2011, nhưng sau đó do anh Q và chị H bất đồng quan điểm với nhau về nơi ở của vợ chồng (Anh Q thì muốn vợ chồng ở và làm ăn, sinh sống tại quê của anh Q, còn chị H thì lại muốn vợ chồng ở và làm ăn, sinh sống tại quê của chị H) từ đó dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra cãi, chửi nhau vì vậy tháng 5 năm 2011 anh Q đã bỏ đi làm ăn xa, mãi đến tháng 5 năm 2014 anh Q mới về đoàn tụ gia đình và đưa vợ, con vào trong thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng để ở và làm ăn, sinh sống nhưng sau khi đoàn tụ thì vợ chồng cũng vẫn bất đồng quan điểm với nhau về nơi ở mà không thống nhất được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn do đó vợ chồng sống không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng chung sống với nhau không có tình cảm và không được Hnh phúc. Do vậy tháng 8 năm 2014 anh Q lại bỏ về quê để sinh sống, còn chị H và con thì về quê của chị H để sinh sống. Anh Q và chị H đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau từ đó cho đến nay. Từ khi sống ly thân với nhau cho đến nay anh Q và chị H không còn có tình nghĩa vợ chồng gì với nhau nữa. Như vậy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng của anh Q và chị H đã trái với quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy hôn nhân của anh Q và chị H đã vi pHm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy Q xin ly hôn với chị H, phía chị H cũng nhất trí ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q. Xử ly hôn giữa anh Q và chị H là phù hợp

[6]. Về nuôi con chung: Xét thấy anh Q và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến Quang; sinh ngày 22-5-2008. Cháu Quang trực tiếp ở với chị H từ khi anh Q và chị H sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Quang và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi cháu Quang cùng với chị mỗi tháng là 1.000.000 đồng, phía anh Q cũng nhất trí. Xét thấy

nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị H là tự nguyện, không vi pHm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và cháu Quang cũng có nguyện vọng được trực tiếp ở với chị H và chị H cũng có đủ các điều kiện để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con được tốt nhất. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật của Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Quang cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và buộc anh Quang phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị H là phù hợp.

[7]. Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Anh Q và chị H đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Anh Q và chị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 14 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân Q và chị Ngư Thị Kim H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Tiến Quang; sinh ngày 22-5-2008 cho chị Ngư Thị Kim H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Tiến Quang thành niên, có khả năng lao động tự lập được hoặc cho đến khi anh Nguyễn Xuân Q và chị Ngư Thị Kim H có yêu cầu khác. (Hiện cháu Quang đang trực tiếp ở với chị H).

2.2. Buộc anh Nguyễn Xuân Q phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng với chị Ngư Thị Kim H số tiền là 1.000.000 đ/tháng (Một triệu đồng một tháng) kể từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi cháu Nguyễn Tiến Quang thành niên, có khả năng lao động tự lập được hoặc cho đến khi anh Nguyễn Xuân Q và chị Ngư Thị Kim H có yêu cầu khác.

2.3. Anh Nguyễn Xuân Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

3.1. Án phí ly hôn: Anh Nguyễn Xuân Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

3.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Xuân Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Q đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BB/2012/09777 ngày 03-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ. Như vậy anh Q còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

4. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Xuân Q được quyền kháng cáo bản án trong thời Hn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ngư Thị Kim H được quyền kháng cáo bản án trong thời Hn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Quân